TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **42**/2019/HSST
Ngày: 29/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn Lượng
Các Hội thẩm nhân dân: ông: Lê văn Dũng
bà: Hoàng Thị Quýt

- Thư ký phiên tòa: ông Nông Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Hoàng – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2019/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2019; Đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ KIM D (tên gọi khác: Kiều), sinh năm: 1971; tại: tỉnh Quảng Ngãi; HKTT: Thôn Bình Hiếu, xã BT, huyện PR, tỉnh Bình Phước; Nơi ở hiện nay: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 07/12; con ông Nguyễn Huy, sinh năm 1944 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1948; Bị cáo có chồng tên Phạm Văn L, sinh năm 1970(đã ly hôn) và có 02(hai) người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2018 đến ngày 01/02/2019 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh, bị cáo tại ngoại đến nay *(có mặt)*.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị Hà T, sinh năm: 1960; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Hồ Ngọc N, sinh năm 1993; (có mặt)
Địa chỉ: Thôn 1, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

3. Nguyễn Thị Ngọc X, sinh năm 1988; (Có mặt)
Địa chỉ: Số 151W, khu phố LP, thị trấn LĐ, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu
Chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, vào lúc 13 giờ 15 phút ngày 26/12/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B kiểm tra quán cà phê 399 thuộc địa phận thôn 3, xã A, huyện B đã phát hiện và bắt quả tang Hồ Ngọc N và Nguyễn Thị Ngọc X đang thực hiện hành vi mua bán dâm trong phòng ngủ của bị cáo Nguyễn Thị Kim D(chủ quán cà phê 399). Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thị Kim D về hành vi chứa mại dâm, khám nghiệm hiện trường và thu giữ vật chứng có liên quan, gồm:

Thu giữ trên người của Nguyễn Thị Kim D 420.000đ(bốn trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó gồm 01(một) tờ tiền mệnh giá 200.000 Việt Nam đồng, 01(một) tờ tiền mệnh giá 100.000 Việt Nam đồng, 02(hai) tờ tiền mệnh giá 50.000 Việt Nam đồng và 02(hai) tờ tiền mệnh giá 10.000 Việt Nam đồng.

01(một) điện thoại hiệu Samsung J7 prime màu đen, số IMEL 35182010191225, số sim 0939773612 của Nguyễn Thị Ngọc X.

01(một) điện thoại hiệu Nokia 105 màu đen, số serial 353681086257029, số sim 0916228842 của Nguyễn Thị Kim D.

Thu giữ qua khám nghiệm hiện trường tại phòng ngủ nơi X và N thực hiện hành vi mua bán dâm 01(một) bao cao su đã qua sử dụng; 01(một) vỏ bao cao su màu bạc, kích thước (6,5x 6,6cm), trên mặt vỏ có ghi chữ JAPAN Technologi, màu đỏ, chữ Natural rubber latex condoms màu đen, chữ Sun Max màu đỏ, chữ Superthin condoms, Lot: 1002017, Mfg: 04/2017, Exp 04/2022 màu đen, vỏ đã bị bóc và 01(một) xe mô tô hiệu Honda, màu xanh, loại SH MODE, biển kiểm soát: 72K1-44987.

Qua điều tra xác định: Tháng 2 năm 2018, Nguyễn Thị Kim D đến thuê nhà của bà Trần Thị Hà T trú tại thôn 3, xã A, huyện B để mở quán bán cà phê và nước giải khát, lấy tên quán là 399. Do khách đến quán uống nước có nhu cầu mua dâm nên D liên hệ với gái bán dâm để những người này thực hiện hành vi mua bán dâm tại quán của mình nhằm mục đích thu lợi bất chính.

Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 26/12/2018, Hồ Ngọc N đến quán cà phê 399 để uống nước. Do biết quán 399 có chứa mại dâm nên N nói với D giới thiệu cho một phụ nữ để quan hệ tình dục. D điện thoại cho Nguyễn Thị Ngọc X đến quán cà phê 399 để bán dâm thì X đồng ý. X điều khiển xe mô tô hiệu Honda, màu xanh, loại SH MODE, biển kiểm soát: 72K1-44987 đến quán 399. Tại đây, N đưa cho D 410.000đ(bao gồm tiền mua dâm 400.000đ và tiền nước uống 10.000đ) rồi cùng X đi vào phòng ngủ của D để mua bán dâm. Khi X và N đang quan hệ tình dục thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B kiểm tra, bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra, D khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2018 đến ngày bị bắt quả tang, D đã nhiều lần điện thoại cho X đến bán dâm tại quán cà phê 399 của D. Mỗi lần cho bán dâm tại quán cà phê 399, D thu số tiền từ 30.000đ đến 50.000đ. Trong đó, N có đến quán 399 để mua dâm từ 2-3 lần. Lời khai của D phù hợp với lời khai của X khai: Từ tháng 5 năm 2018 đến tháng 7 năm 2018 đã nhiều lần bán dâm qua sự giới thiệu của D, với mỗi lần X bán dâm tại quán cà phê 399 thì D được hưởng 50.000đ, nếu X đi nơi khác bán dâm thì D được hưởng

30.000đ. X đã được D gọi đến quán cà phê 399 bán dâm cho khách 3 lần với mỗi lần từ 400.00đ đến 500.000đ thì X đưa cho D mỗi lần 50.000đ còn 2 lần X và khách đi nơi khác để mua bán dâm với số tiền 500.000đ thì X đưa cho D từ 20.000đ đến 30.000đ. Hồ Ngọc N khai: Trước đó vào tháng 7/2018 Nam đã 3 lần đến quán 399 để mua bán dâm với mỗi lần 400.000đ.

Cáo trạng số: 24/CT-VKS ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim D về tội "Chứa mại dâm" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa vẫn khẳng định bị cáo có hành vi như nội D bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng c khoản 2 Điều 327, điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim D từ 02 đến 03 năm tù.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội D bản Cáo trạng của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố, bị cáo không tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phên tòa không tham gia tranh luận.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo đúng quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, những người tham gia tố tụng khác. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng.

Về nội D: Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2018 đến ngày 26 tháng 12 năm 2018, tại quán cà phê 399 thuộc địa phận Thôn 3, xã A, huyện B do Nguyễn Thị Kim D làm chủ quán. D đã nhiều lần điện thoại cho Nguyễn Thị Ngọc X đến bán dâm cho khách, D được hưởng 50.000đ mỗi lần khách mua dâm. Vào ngày 26/12/2018, tại quán cà phê 399, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã bắt quả tang Hồ Ngọc Nam và Nguyễn Thị Ngọc X đang thực hiện hành vi mua bán dâm trong phòng ngủ của Nguyễn Thị Kim D. Ngoài ra, Nguyễn Thị Kim D còn khai nhận vào khoảng thời gian trên đã cho Nam mua dâm tại quán cà phê của mình 03 lần và cũng được hưởng số tiền như trên. Hành vi của Nguyễn Thị Kim D đã phạm vào tội "Chứa mại dâm". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố là có căn cứ, đúng hành vi, đúng pháp luật .

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm băng hoại đạo đức, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam và là một trong những nguyên nhân làm lây truyền các căn bệnh nguy hiểm. Bản thân bị cáo là người có việc làm tự nuôi sống bản thân, lẽ ra bị cáo phải nỗ lực lao động để lo bản thân bằng những đồng tiền chân chính nhưng vì thích hưởng thụ, lười lao động nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc nhằm răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã khai ra các lần phạm tội trước đó của mình giúp cơ quan điều tra phát hiện tội phạm; bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, là lao động chính trong gia đình, bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại do mình gây ra(đã nộp 50.000đ tiền thu lợi bất chính cho Chi cục thi hành án dân sự huyện B), bản thân đang bị bệnh hen suyễn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt theo Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Xét sự đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về mức hình phạt và các vấn đề khác là có cơ sở cần chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

Đối với lời khai của Nguyễn Thị Kim D và Nguyễn Thị Ngọc X khai nhận: Đã nhiều lần D điện thoại cho X đi bán dâm để hưởng lợi 30.000đ. Qúa trình điều tra không xác định được thời gian, cụ thể người mua dâm, địa điểm bán dâm, việc giao nhận tiền nên không đủ cở sở xử lý đối với D về hành vi môi giới mại dâm là có căn cứ, Hội đồng xét xử không xét.

Đối với số tiền mà bị cáo được hưởng 50.000đ từ tiền mua bán dâm của X và Nam 03 lần bằng 150.000đ là tiền thu lợi bất chính cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với bà Trần Thị Hà T là người cho D thuê nhà nhưng không biết D sử dụng nhà của mình cho thuê để chứa mại dâm nên không đủ cơ sở xử lý, Hội đồng xét xử không xét.

Đối với Nguyễn Thị Ngọc X, Hồ Ngọc Nam là những người mua bán dâm, vi phạm pháp luật về phòng chống mại dâm. Ngày 21/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của chính phủ về lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội là đúng quy định. Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Về vật chứng:

Đối với 01(một) xe mô tô hiệu Honda, màu xanh, loại SH MODE, biển kiểm soát: 72K1-44987 do Nguyễn Thị Ngọc X là chủ sở hữu hợp pháp, không liên quan đến vụ án. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại cho Nguyễn Thị Ngọc X là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với 01(một) điện thoại hiệu Samsung J7 prime màu đen, số IMEL 35182010191225, số sim 0939773612 của Nguyễn Thị Ngọc X và 01(một) điện thoại hiệu Nokia 105 màu đen, số serial 353681086257029, số sim 0916228842 của Nguyễn Thị Kim D mà D và X đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, còn giá trị sử dụng, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01(một) bao cao su đã qua sử dụng; 01(một) vỏ bao cao su màu bạc, kích thước (6,5x 6,6cm), trên mặt vỏ có ghi chữ JAPAN Technologi, màu đỏ, chữ Natural rubber latex condoms màu đen, chữ Sun Max màu đỏ, chữ Superthin condoms, Lot: 1002017, Mfg: 04/2017, Exp 04/2022 màu đen, vỏ đã bị bóc sử dụng vào hành vi mua bán dâm, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 420.000đ(bốn trăm hai mươi nghìn đồng) thu giữ trên người của Nguyễn Thị Kim D, trong đó 400.000đ là tiền do mua bán dâm mà có, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; 20.000đ do khách trả nước uống, cần trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim D (tên gọi khác: Kiều) phạm tội "Chứa mại dâm".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; các điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Thị Kim D 02(hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án. Được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam (từ ngày 26/12/2018 đến ngày 01/02/2019).

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015.

Truy thu sung quỹ Nhà nước 150.000đ(một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ 50.000đ mà bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu số 006686 ngày 26 tháng 7 năm 2019. Số tiền còn lại bị cáo phải tiếp tục nộp.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước các tài sản sau: 01(một) điện thoại hiệu Samsung J7 prime màu đen, số IMEL 35182010191225, số sim 0939773612; 01(một) điện thoại hiệu Nokia 105 màu đen, số serial 353681086257029, số sim 0916228842; số tiền: 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

Trả lại cho Nguyễn Thị Kim D số tiền 20.000đ.

Tịch thu tiêu hủy: 01(một) bao cao su đã qua sử dụng; 01(một) vỏ bao cao su màu bạc, kích thước (6,5x 6,6cm), trên mặt vỏ có ghi chữ JAPAN Technologi, màu đỏ, chữ Natural rubber latex condoms màu đen, chữ Sun Max màu đỏ, chữ Superthin condoms, Lot: 1002017, Mfg: 04/2017, Exp 04/2022 màu đen, vỏ đã bị bóc.

(*Số vật chứng trên đã được giao nhận cho Chi cục thi hành án dân sự dân sự huyện B theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0007575 ngày 22/3/2019).*

4.Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sơ thẩm

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- THADS huyện B;
- CQCSĐT CA huyện B;
- CQ THAHS CA huyện Bù Đốp;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Văn Lượng